

Bản án số: 06/2024/KDTM-PT

Ngày: 15/3/2024

V/v: *Tranh chấp về hợp đồng chuyển
nhượng vốn góp*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Phạm Văn Lợi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Liên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Ông Nguyễn Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại phúc thẩm thụ lý số 51/2023/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp*”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1910/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- **Bị đơn:** Tập đoàn S.

Địa chỉ: Trust C, A, A, M, R of the Marshall I.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T, Ching J - Chủ tịch hội đồng quản trị. Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Bản D, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn C3.

Địa chỉ: Bản D, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T, Ching J – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1993; địa chỉ: Bản N, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Triệu Hạnh H, thuộc Văn phòng L2, Đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt.

2. Ông Võ Văn T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Bản D, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

4. Ông Ngô Quốc T2, sinh năm 1977; địa chỉ: Bản M xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Hoàng Thị L trình bày:

Ngày 15/11/2019, bà Hoàng Thị L và ông Võ Văn T1 ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 10/2019/HĐCNVG để mua phần vốn góp của ông Võ Văn T1 tại Công ty TNHH C4 (*viết tắt là Công ty C4*), nay là Công ty TNHH C3 (*viết tắt là Công ty C3*) là 2.250.000.000 đồng, chiếm 2,5% vốn Điều lệ với giá chuyển nhượng là 375.000.000 đồng. Bà đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo phương thức chuyển khoản và được ông Võ Văn T1 làm thủ tục đứng tên thành viên Công ty.

Đến ngày 25/4/2020, ông Thọ giới t bà bán lại phần vốn góp nêu trên cho ông T, Ching J (Đại diện của Tập đoàn S), đồng thời cũng là Tổng giám đốc Công ty C3. Ông T1 đưa cho bà ký một số giấy tờ để chuyển nhượng với phần vốn góp nêu trên với giá là 375.000.000 đồng. Tin tưởng ông T1, bà đã ký các giấy tờ chuyển nhượng theo yêu cầu nhưng không được ông T, Ching Jung trả tiền mua phần vốn góp và cũng không hoàn trả giấy tờ gì cho bà.

Ngày 29/12/2021, bà đã làm văn bản gửi tới các bên có liên quan như Tập đoàn S và Công ty C3 nhưng đến nay không có sự phản hồi.

Nay tìm hiểu các giấy tờ ông T1 đưa cho bà ký để hoàn tất thủ tục sang tên toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của bà tại Công ty C3 cho Tập đoàn S1 theo giấy tờ bà tự thu thập (không được giao lại bản gốc), thì số tài khoản ông T1 đánh vào Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa bà với bên mua lại là Tài khoản của Công ty C3 (đứng tên bên mua), số 9723227, mở tại Ngân hàng A, sau đó chính ông T, Ching J thao túng và chiếm đoạt.

Bản thân bà không biết tiếng nước ngoài, nên ông T1 tự ý làm văn bản, rồi đưa bà ký để làm thủ tục và bà cũng không biết ông T, Ching J là ai, sau này mới biết lại là chính người xác nhận vào bản Hợp đồng để sang tên toàn bộ phần vốn góp của bà cho Tập đoàn S.

Đến nay, sau khi bà nhận chuyển nhượng phần vốn góp của ông T1 không

được chia lợi tức năm 2019, khi chuyển nhượng lại cho bên mua do ông Thọ giới t và làm thủ tục cũng gần 02 năm nay không nhận được tiền chuyển nhượng, không được trả lợi tức năm 2020-2021. Bà thấy việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua phần vốn góp của ông T, Ching J - đại diện theo pháp luật của Tập đoàn S1 là vi phạm quy định của pháp luật.

Khoảng 10 ngày sau khi bà hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tiền nhận chuyển nhượng vốn góp từ ông T1, con trai bà (anh Nguyễn Văn L1) nói với bà là ông T1 muốn mua lại số vốn góp; nếu không đồng ý bán lại cho ông T1 thì Công ty C3 gây khó dễ cho mối quan hệ với Công ty X do anh L1 đang quản lý. Toàn bộ tài sản, tiền, của gia đình bà đều giao cho anh L1 quản lý nhiều năm qua không có vấn đề gì, bà để cho anh L1 tự tính toán và tự quyết định mọi việc. Khoảng 10 ngày tiếp theo, anh L1 có về nhà và đưa cho bà số tiền trên và có bảo là tiền bán lại vốn góp cho ông T1, sau khi nói chuyện với anh L1 thì bà bảo mang trả lại, chờ hoàn thiện hợp đồng mua bán mới nhận tiền. Một thời gian dài sau đó, anh L1 bảo là mang trả tiền nhưng họ không nhận. Sau đó, bà đã có văn bản gửi đến Công ty C3, Công ty S2, anh T1, ông T nhưng không được trả lời. Bà xác định toàn bộ quá trình giao kết và ký kết, thực hiện Hợp đồng, bà và anh L1 đã bị lừa dối, đã bị ép buộc nên Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 12/2020/HĐCNVG ngày 25/4/2020 vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật theo quy định tại Điều 127 Bộ luật Dân sự.

Vì vậy, bà khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 12/2020/HĐCNVG ngày 25/4/2020 giữa bà và Tập đoàn S vô hiệu do bị lừa dối và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu, khôi phục tư cách thành viên góp vốn của bà L tại Công ty C3.

Bị đơn là Tập đoàn S thông qua đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/04/2020, Tập đoàn S và bà Hoàng Thị L đã ký kết Hợp đồng số 12/2020/HĐCNVG để chuyển 2,5% vốn góp đứng tên bà L cho Tập đoàn S với giá 375.000.000 đồng. Sau khi ký Hợp đồng, do bà L không có tài khoản ngân hàng nên phải giao nhận bằng tiền mặt. Tập đoàn S3 đã chuyển đủ 375.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty C3 để nhờ Công ty C3 trả tiền mặt giúp cho bà Hoàng Thị L. ÔNG Ngô Quốc T2 (kế toán trưởng Công ty C3) đảm nhiệm các thủ tục thanh toán này. Sau đó, Tập đoàn S được thông báo rằng Công ty C3 đã hoàn tất việc trả giúp tiền nhận chuyển nhượng phần vốn góp cho bên chuyển nhượng và Công ty C3 đã đăng ký bên mua là Tập đoàn S là thành viên của Công ty C3 từ ngày 24/9/2020.

Nay bà L lại khởi kiện Tập đoàn S yêu cầu tuyên Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa bà L và Tập đoàn S từ năm 2020 vô hiệu là không có căn cứ. Tập đoàn Smart Grain C khẳng định việc giao kết giữa Tập đoàn S với bà L là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc, lừa dối, do hai bên chủ thể có năng lực hành vi dân sự giao kết và còn có sự phối hợp, giúp đỡ, chứng kiến, xác nhận của chính Công ty C3. Đối với số tiền mua phần vốn góp mà Tập đoàn Smart Grain C đã nộp nhờ vào Công ty C3 để Công ty C3 trả cho bà L giúp (do con trai bà L - anh Nguyễn Văn L1 nhận thay), nay bà L nói chưa nhận được. Việc này ông T2 đã có

đơn tố giác anh L1, hiện Công an huyện Y đã thụ lý giải quyết và đã có kết quả cụ thể như sau:

- Kết quả đối chất giữa ông Ngô Quốc T2 và ông Nguyễn Văn L1 thì ông L1 thừa nhận đã nhận đủ số tiền trên và ký thay mẹ ruột của mình.

- Kết quả đối chất giữa ông Võ Văn T1 và ông Nguyễn Văn L1 và lời khai của Ông T, Ching J (Chủ tịch Hội đồng quản trị của Tập đoàn S) tại Công an huyện Y thì sau khi hai bên bàn bạc thống nhất, bà L (đứng thay tên anh L1) rút vốn tại Công ty C3 thì Ban Tổng giám đốc Công ty C3 đồng ý chi trả tiền ngay cho anh L1 còn việc đăng ký mua phần vốn góp của Tập đoàn Smart Grain C phải theo quy định pháp luật đối với Nhà đầu tư nước ngoài.

Căn cứ vào tài liệu, lời khai của các bên có liên quan tại Cơ quan Công an huyện Y, Tập đoàn S đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị L đối với Tập đoàn S và Công ty C3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty C3 thông qua đại diện theo ủy quyền trình bày:

Khoảng năm 2019, anh Nguyễn Văn L1 (khi đó là Giám đốc Công ty Cổ phần X - hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (viết tắt là Công ty X) có nhận thầu thi công một số công trình xây dựng của Công ty C3. Do muốn xây dựng mối quan hệ lâu dài nên anh L1 có đề xuất được mua lại một số vốn góp để trở thành thành viên của Công ty C3. Tuy nhiên anh L1 muốn đứng tên bà L - mẹ đẻ của anh L1 và được Công ty chấp nhận. Hồ sơ sau đó được nộp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B và bà L trở thành cổ đông góp vốn tại Công ty C3 thể hiện trên giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 2/12/2019 nhưng chưa thực hiện góp vốn đủ theo điều lệ Công ty với tỷ lệ 2,5% cổ phần tương đương 2.250.000.000 đồng, vốn điều lệ theo lần thay đổi này là 90.000.000.000 đồng.

Sau khi là thành viên của Công ty, anh L1 lại muốn nhận toàn bộ các Hợp đồng xây dựng toàn bộ nhà xưởng và cơ sở hạ tầng nhà máy cho Công ty C3, để không vi phạm luật doanh nghiệp (vừa là Bên A vừa là Bên B trong Hợp đồng lớn) nên anh L1 đã xin rút vốn trong Công ty C3 và nhờ Công ty C3 tìm giúp đối tác và giúp đỡ để chuyển nhượng phần vốn góp đứng tên mẹ anh L1 là bà L.

Căn cứ theo đề nghị của anh L1, Công ty C3 đã tìm đối tác, giúp đỡ anh L1 hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng số vốn góp trong Công ty.

Ngày 25/04/2020, dựa trên tinh thần tự nguyện, nhu cầu của các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, Tập Smart Grain C1 và bà Hoàng Thị L đã ký kết Hợp đồng số 12/2020/HĐCNVG để chuyển 2,5% vốn góp đứng tên bà L cho Tập đoàn S với giá 375.000.000 đồng. Do các bên nhờ Công ty C3 giúp đỡ việc trả tiền và ông T, C2 đồng thời là đại diện theo pháp luật của Tập đoàn S và Công ty C3 nên khi soạn thảo Hợp đồng các bên thống nhất ghi số tài khoản Ngân hàng của Công ty C3 là tài khoản của bên mua trong Hợp đồng để khi thực hiện chi trả tiền cho bà L, Công ty C3 giúp bên mua chi trả cho thuận lợi.

Sau khi ký hợp đồng, Tập đoàn Smart Grain C1 đã chuyển đủ 375.000.000

đồng vào tài khoản của Công ty C3 như thỏa thuận để trả tiền mặt giúp cho bà Hoàng Thị L. Công ty đã giao cho ông Ngô Quốc T2 - kế toán trưởng của Công ty đảm nhiệm các thủ tục thanh toán này.

Khi kế toán giao tiền, anh L1 - con trai bà L đã yêu cầu được ký và nhận tiền thay mẹ. Công ty C3 đã hoàn tất việc trả giúp tiền chuyển nhượng phần vốn góp cho bên chuyên nhượng và sau đó đã đăng ký bên mua là Tập đoàn S là thành viên của Công ty C3 từ ngày 24/9/2020. Trước đó, Tập đoàn S đã mua phần vốn góp từ các cổ đông khác và chiếm phần vốn góp trong Công ty C3 là 20% (sau khi mua của bà L thì phần vốn góp Tập đoàn S tăng lên 22,5%).

Nay bà L lại khởi kiện Tập đoàn S, yêu cầu tuyên Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa bà L và Tập đoàn S từ năm 2020 vô hiệu là không đúng. Đề nghị Tòa án bác bỏ toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị L đối với Tập đoàn S và Công ty C3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn T1 trình bày:

Ông hiện là Phó tổng giám đốc của Công ty C3. Thời gian trước đây, Công ty có nhu cầu thi công, cải tạo một số công trình nên ông đã được ông Ngô Quốc T2 giới thiệu người bạn học là anh Nguyễn Văn L1 khi đó là Giám đốc Công ty X. Sau đó anh L1 đã được Công ty cho thầu thi công một số công trình.

Do muốn xây dựng mối quan hệ gắn kết lâu dài với Công ty C3 nên anh L1 đã thương lượng với ban lãnh đạo Công ty C3 để được mua lại một tỷ lệ vốn góp. Tuy nhiên, anh L1 muốn để mẹ đẻ của anh L1 là bà Hoàng Thị L đứng tên. Đề xuất đó được Công ty C5.

Ngày 15/11/2019, ông (thành viên góp vốn của Công ty C3) và bà Hoàng Thị L đã ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 10/2019/HĐCNVG theo đó ông chuyển nhượng cho bà L 2,5% vốn góp vào Công ty C3.

Sau khi chuyển nhượng vốn góp được một thời gian, anh L1 muốn nhận Hợp đồng xây dựng toàn bộ nhà xưởng và cơ sở hạ tầng nhà máy cho Công ty C3, để không vi phạm quy định pháp luật (vừa là Bên A vừa là Bên B trong hợp đồng lớn) nên anh L1 đã xin rút vốn trong Công ty C3 và nhờ Công ty C3 tìm giúp đối tác để nhận chuyển nhượng phần vốn góp mang tên bà L.

Căn cứ theo đề nghị của anh L1, Công ty C3 đã tìm đối tác, giúp đỡ bà L, anh L1 hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng số vốn góp trong Công ty.

Ngày 25/4/2020, bà L đã ký Hợp đồng số 12/2020/HĐCNVG để chuyển 2,5% vốn góp đứng tên bà L cho Tập đoàn S với giá 375.000.000 đồng. Theo phương thức thanh toán như thường lệ của Công ty C3, Tập đoàn S đã chuyển số tiền 375.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty C3 để Công ty trả giúp cho bà Hoàng Thị L, Công ty giao cho ông Ngô Quốc T2 (kế toán trưởng) đảm nhiệm các thủ tục thanh toán này.

Ngày 26/12/2019, ông đã chứng kiến việc ông Ngô Quốc T2 đã chi trả 375.000.000 đồng (tiền mặt) cho anh L1. Khi viết phiếu chi, ông Ngô Quốc T2 đề nghị anh L1 ghi ký nhận thay theo quy định, anh L1 đã tự ký vào phần người nhận

tiền “L, Hoàng Thị L”, tức là anh L1 ký giả chữ ký và tên của mẹ anh L1 là bà L. Việc giao tiền cho anh L1 được thực hiện tại phòng kế toán Công ty C3 dưới sự chứng kiến của nhiều người. Hợp đồng sau đó đã được ký biên bản thanh lý, Tập đoàn S (bên mua vốn góp) đã được đăng ký là thành viên của Công ty C3 từ tháng 04/2020, từ khi chuyển nhượng đến gần đây (hơn 02 năm) không ai có ý kiến gì.

Trong quá trình Công ty X thi công công trình xây dựng, Công ty C3 và anh L1 (Công ty X) đã phát sinh một số bất đồng dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp kéo dài đến tận nay vẫn chưa được giải quyết. Suốt thời gian đó, anh L1 nhiều lần có hành vi gửi đơn tố cáo, vu cáo, bôi nhọ Công ty C3, chống phá, cản trở Công ty hoạt động, anh L1 còn nhiều lần tố cáo sai sự thật đối với cả Công an xã T và Công an huyện Y trong việc xử lý xe máy vi phạm trong Công ty C3 khi thực hiện trách nhiệm trong bảo vệ an ninh, trật tự tại địa bàn cho Công ty C3 hoạt động.

Ngày 30/12/2020, Công ty C3 nhận được thông báo thụ lý vụ án dân sự của TAND tỉnh Bắc Giang, theo đó bà Hoàng Thị L khởi kiện đòi hủy Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa bà L với Tập đoàn S từ năm 2020 với lý do là bà L chưa được nhận tiền chuyển nhượng vốn góp là 375.000.000 đồng. Ông cho rằng đây là một hình thức lật lọng, gây khó khăn mà anh L1 tạo ra để ép Công ty C3 thanh toán hàng tỷ đồng tiền xây dựng đang có tranh chấp một cách vô lối. Anh L1 nhận tiền mà không đưa cho bà L là anh L1 chiếm đoạt số tiền đó. Vì vậy, ngày 05/03/2023, ông Ngô Quốc T2 đã làm đơn tố giác tội phạm lừa đảo gửi Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y và được thụ lý, giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện Y, anh L1 xác nhận đã nhận đủ tiền thay mẹ. Ông đề nghị Hội đồng xét xử bác bỏ toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn L1 trình bày:

Anh nhất trí với lời trình bày của bà L. Sau khi mẹ anh mua lại phần vốn góp tại Công ty C3 để chuẩn bị cho việc xây dựng, anh có đề nghị ông T (Tổng giám đốc của Công ty C3) và ông T1 cần nhanh chóng hoàn thiện Quy chế chi tiêu, Quy chế hoạt động, Quy chế tiền lương, tuyển dụng kế toán có trình độ,... để việc chi tiêu cho các hoạt động được rõ ràng, minh bạch. Ông T1 và ông T đã lật kèo đòi mua lại phần vốn góp của bà L, ông T1 có nói với anh là để tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty X ký Hợp đồng thi công thì bà L phải bán lại vốn góp cho ông T1, đến khi nào việc xây dựng hoàn thành thì ông T1 sẽ bán trả lại cho bà L, ông tin tưởng ông T1 nên đã đồng ý nghe theo phương án của ông T1. Công ty C3 gây áp lực là nếu bà L không bán vốn góp như ông T1 đề nghị thì không ký Hợp đồng thi công với Công ty của anh. Do vậy, ngày 26/12/2019, anh đã phải nhờ mẹ đẻ là bà L chấp nhận bán lại phần vốn góp vừa mới mua của ông T1. Tuy nhiên, hôm đó các bên chưa hoàn thiện Hợp đồng, anh có nói với bà L là ông T1 chưa hoàn thiện Hợp đồng mua bán vốn góp nên ông T1 có đến xin chữ ký thì mẹ ký giúp, tiền thì anh đã nhận đủ. Ngày 25/4/2020, thay vì ký Hợp đồng mua bán vốn góp cho ông T1 thì ông T1 lừa bà L ký bán vốn góp cho Tập đoàn S. Sự lừa dối và cưỡng ép trong việc giao kết Hợp đồng số 12/2020/HĐCNGV thể hiện ở chỗ:

Anh và bà L chưa bao giờ biết đến Tập đoàn S, thông tin trong phiếu chi tiền ngày 26/12/2021 có nhiều nội dung không chính xác. Bà L đã có văn bản gửi đến Tập đoàn S; Công ty C3; ông T, ông T1 nhưng tất cả các đơn vị/cá nhân này đều thống nhất không có phản hồi cho bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Quốc T2 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của Công ty C3 và ông Võ Văn T1 về diễn biến sự việc, ông đề nghị Tòa án bác bỏ toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà L.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 30; Điều 35; Điều 37; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L về việc tuyên bố Hợp đồng chuyên nhượng vốn góp số 12/2020/HĐCNVG ngày 25/4/2020 giữa bà Hoàng Thị L và Tập đoàn S vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, yêu cầu khôi phục tư cách thành viên góp vốn của bà L tại Công ty TNHH C3.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, cùng ngày 16/10/2023, nguyên đơn là bà Hoàng Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L1 cùng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo là bà Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn L1 giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung; bị đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày, đề nghị HĐXX bác kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm; các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà L và ông L1 trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của bà L và ông L1 là không có cơ sở chấp nhận, có đủ căn cứ xác định Hợp đồng chuyên nhượng vốn góp số 12/2020/HĐCNVG ngày 25/4/2020 giữa bà Hoàng Thị L và Tập đoàn S là có giá trị pháp lý. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà

L và ông L1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử (HĐXX) phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Bà Hoàng Thị L khởi kiện Tập đoàn S, yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 12/2020/HĐCNVG ngày 25/4/2020 giữa bà và Tập đoàn S1 vô hiệu và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu, yêu cầu khôi phục tư cách thành viên góp vốn của bà L tại Công ty C3.

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền, đảm bảo về điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 30, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn L1, HĐXX thấy:

Ngày 15/11/2019, bà Hoàng Thị L (bên nhận chuyển nhượng) và ông Võ Văn T1 (bên chuyển nhượng) ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp tại Công ty C4 (nay là Công ty C3), theo đó ông T1 chuyển nhượng 2.250.000.000đ tương đương 2,5% vốn góp của Công ty C4 (nay là Công ty C3) với giá trị chuyển nhượng là 375.000.000 đồng. Bà L trở thành thành viên và sở hữu hợp pháp số vốn 2.250.000.000đ tương đương 2,5% vốn góp của Công ty C3 theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 của Công ty H1.

Ngày 25/4/2020, bà Hoàng Thị L đã ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 12/2020/HĐCNVG ngày 25/4/2020 với Tập đoàn S; Đại diện theo pháp luật của Công ty ký kết Hợp đồng là ông T, Ching J - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Theo đó, bà Hoàng Thị L đồng ý chuyển nhượng cho Tập đoàn S toàn bộ phần vốn góp của bà L tại Công ty H1, chiếm 2,5% vốn điều lệ của Công ty với giá 375.000.000 đồng. Tại thời điểm chuyển nhượng vốn góp, bà L là thành viên Công ty C3, có toàn quyền định đoạt số vốn thuộc sở hữu của mình. Thỏa thuận chuyển nhượng vốn góp trong Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 51, Điều 52, Điều 53 Luật doanh nghiệp 2020 và khoản 6 Điều 5 Điều lệ Công ty C3. Theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng số 12/2020/HĐCNVG ngày 25/4/2020 thể hiện:

“Tổng số tiền chuyển nhượng được nêu tại Mục 1 Điều này sẽ được Bên B thanh toán cho Bên A theo phương thức chuyển khoản vào số tài khoản vốn của Ngân hàng cụ thể như sau:

Tài khoản số 9723227 tại Ngân hàng A

Tên tài khoản: Công ty TNHH C3.

Mã swifcode: ASCBVNVX”.

Bà Hoàng Thị L cho rằng chưa nhận được số tiền chuyển nhượng vốn góp nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn L1 (con trai bà L) xác nhận đã nhận đủ số tiền 375.000.000 đồng chuyển nhượng vốn góp từ Công ty C3 theo phiếu chi ngày 26/12/2019 và đã thông báo cho bà L được biết. Mặt khác, quá trình mua bán, chuyển nhượng vốn góp, bà L đều đồng ý cho ông L1 toàn quyền quyết định. Đại diện Tập đoàn S trình bày đã nhờ Công ty C3 thanh toán cho bà L tiền chuyển nhượng cổ phần, Tập đoàn cũng đã thanh toán lại cho Công ty C3 số tiền này. Lời khai của đại diện Tập đoàn Smart Grain C1 là phù hợp với Phiếu chi ngày 26/12/2019 của Công ty C3, phù hợp với Bảng sao kê thanh toán tiền ngày 29/4/2020 thể hiện Tập đoàn S đã thanh toán lại cho Công ty C3 số tiền 16,198.00 USD tương đương với số tiền 375.000.000 VNĐ, phù hợp với Điều 2 của Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 12/2020/HĐCNVG ngày 25/4/2020 nên có cơ sở chấp nhận.

Việc thỏa thuận nhận tiền bán trước rồi mới ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được pháp luật dân sự cho phép, không ảnh hưởng gì đến hiệu lực của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Quan điểm của bà L cho rằng bị lừa dối và cưỡng ép trong việc giao kết Hợp đồng, HĐXX thấy, các bên giao kết Hợp đồng đều có năng lực trách nhiệm dân sự, năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đã được tự đọc lại Hợp đồng, hiểu các quyền, nghĩa vụ của mình khi giao kết Hợp đồng và tự nguyện ký kết nên phải chịu trách nhiệm đối với việc ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, không có cơ sở xác định dấu hiệu bị lừa dối, cưỡng ép.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, HĐXX thấy các bên đương sự đã hoàn tất việc chuyển nhượng vốn góp và phù hợp quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 12/2020/HĐCNVG ngày 25/4/2020 giữa bà Hoàng Thị L và Tập đoàn S vô hiệu là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, yêu cầu khôi phục tư cách thành viên góp vốn của bà L tại Công ty C3 cũng không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù có kháng cáo nhưng bà Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn L1 không đưa ra được căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở. Vì vậy, HĐXX không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn L1. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn L1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX, được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn L1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, xét bà Hoàng Thị L là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên HĐXX miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm cho bà Hoàng Thị L.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn là bà Hoàng Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn L1; Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn L1 phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000803 ngày 31/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn L1 đã thi hành xong án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm cho bà Hoàng Thị L.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, phòng HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển